

Họ và tên:.....Số báo danh:..... Lớp: 1..... Giám thị 1:.....Giám thị 2:.....	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKI NĂM HỌC 2021 - 2022 Ngày kiểm tra:...../...../ 2022 Môn: Toán Thời gian: 35 phút
---	---

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét</u>	Giám khảo 1:
		Giám khảo 2:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng từng bài tập dưới đây :

Câu 1.a. (M1) (0.5đ) Số 15 đọc là:

- A. Mười lăm B. Mười năm C. Năm mươi D. Mười năm

b. (M1) (0.5đ) Số “sáu mươi tư” được viết là:

- A. 60 B. 63 C. 64 D. 65

Câu 2. a. (M1) (0.5đ) Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



- A. 12 giờ C. 2 giờ
B. 1 giờ D. 3 giờ

b. (M1) (0.5đ) Hình bên có..... hình vuông ?



- A. 3 C. 5
B. 4 D. 6

Câu 3. Cho dãy số: 23, 56, 65, 32

a. (M1) (0.5đ) Số nào lớn nhất ?

- A. 23 B. 56 C. 65 D. 32

b. (M1) (0.5đ) Số nào bé nhất ?

- A. 23 B. 56 C. 65 D. 32

Câu 4. a. (M1) (0.5đ) Kết quả của phép tính $65 - 3$ là:

- A. 68 B. 35 C. 62 D. 95

b. (M1) (0.5đ) Kết quả của phép tính $46 + 12$ là:

A. 67

B. 57

C. 34

D. 25

Câu 5. Số cần điền vào chỗ chấm là:

a. (M1) (0.5đ) Trong các số 14, 25, 39, 67 số nào là số chẵn ?

A. 14

B. 25

C. 39

D. 67

b. (M1) (0.5đ) Cho dãy số 5,10,15,20,, 30,35,40. Số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 22

B. 23

D. 25

Câu 6.a. (M2) (0.5đ) Dãy số nào sau đây tự từ bé đến lớn ?

A. 23, 12, 15, 45

B. 12,15, 23, 45

C. 23, 15

D. 15,12, 23, 45

b. (M2) Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

A. 10

B. 11

C. 22

D. 33

Câu 7. (M2) (1đ) Lan hái 15 bông hoa. Mai hái 10 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa ?

A. 20

B. 25

C. 30

C. 35

Câu 8. (M2) (1đ) Hôm nay là thứ hai ngày 10 tháng 5. Vậy ngày 13 tháng 5 là thứ mấy ?

A. Thứ ba

B. Thứ tư

C. Thứ năm

C. Thứ sáu

II. PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 9. (M2) (1đ)

$23 - 11$

$55 + 20$

$33 + 6$

$73 - 3$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. (M3) (1đ) Đàn gà có 86 con, trong đó có 5 chục con đã vào chuồng. Hỏi còn lại bao nhiêu con gà chưa vào chuồng ?

--	--	--	--	--

ĐÁP ÁN**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm)**

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng từng bài tập dưới đây :

Câu 1.a. (M1) (0.5đ) Số 15 đọc là:

- A. Mười lăm **B. Mười năm** C. Năm mươi D. Mười năm

b. (M1) (0.5đ) Số “sáu mươi tư” được viết là:

- A. 60 B. 63 C. 64 D. 65

Câu 2. a. (M1) (0.5đ) Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

- A. 12 giờ C. 2 giờ
B. 1 giờ **D. 3 giờ**

b. (M1) (0.5đ) Hình bên có..... hình vuông ?

- A. 3 **C. 5**
B. 4 D. 6

Câu 3. Cho dãy số: 23, 56, 65, 32**a. (M1) (0.5đ) Số nào lớn nhất ?**

- A. 23 B. 56 **C. 65** D. 32

b. (M1) (0.5đ) Số nào bé nhất ?

- A. 23** B. 56 C. 65 D. 32

Câu 4. a. (M1) (0.5đ) Kết quả của phép tính $65 - 3$ là:

- A. 68 B. 35 **C. 62** D. 95

b. (M1) (0.5đ) Kết quả của phép tính $46 + 12$ là:

- A. 67 **B. 57** C. 34 D. 25

Câu 5. Số cần điền vào chỗ chấm là:**a. (M1) (0.5đ) Trong các số 14, 25, 39, 67 số nào là số chẵn ?**

- A. 14** B. 25 C. 39 D. 67

b. (M1) (0.5đ) Cho dãy số 5,10,15,20,, 30,35,40. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 22 B. 23 C. 24 D. 25

Câu 6.a. (M2) (0.5đ) Dãy số nào sau đây xếp theo thứ tự từ bé đến lớn ?

- A. 23, 12, 15, 45 B. 12,15, 23, 45 C. 23, 15 D. 15,12, 23, 45

b. (M2) Số bé nhất có hai chữ số giống

- A. 10 B. 11 C. 22 D. 33

Câu 7. (M2) (1đ) Lan hái 15 bông hoa. Mai hái 10 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa ?

- A. 20 B. 25 C. 30 D. 35

Câu 8. (M2) (1đ) Hôm nay là thứ hai ngày 10 tháng 5. Vậy ngày 12 tháng 5 là thứ mấy ?

- A. Thứ ba B. Thứ tư C. Thứ năm D. Thứ sáu

II. PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 9. (M2) (1đ)

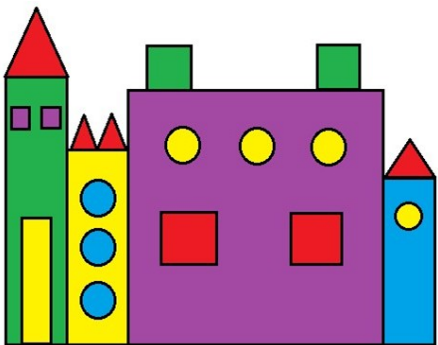
$23 - 11$	$55 + 20$	$33 + 6$	$73 - 3$
$\begin{array}{r} 23 \\ - 11 \\ \hline 12 \end{array}$	$\begin{array}{r} 55 \\ + 20 \\ \hline 75 \end{array}$	$\begin{array}{r} 33 \\ + 6 \\ \hline 39 \end{array}$	$\begin{array}{r} 73 \\ - 3 \\ \hline 70 \end{array}$

Câu 10. (M3) (1đ) Đàn gà có 86 con, trong đó có 5 chục con đã vào chuồng. Hỏi còn lại bao nhiêu con gà chưa vào chuồng ?

86	-	50	=	36
----	---	----	---	----

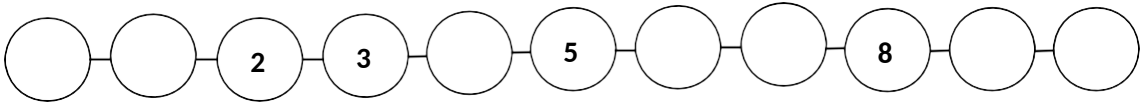
Họ và tên:.....Số báo danh:..... Lớp: 1..... Giám thị 1:.....Giám thị 2:.....	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKI NĂM HỌC 2021 - 2022 Ngày kiểm tra:...../...../ 2022 Môn: Toán Thời gian: 35 phút
---	---

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét</u>	Giám khảo 1:
		Giám khảo 2:

<p>(3 điểm)</p> <p>...../ 0.5đ</p>	<p>PHẦN A. TRẮC NGHIỆM:</p> <p>I. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.</p> <p>Câu 1: Số lớn nhất trong các số 7, 0, 10, 8 là:</p> <p>A. 7 B. 8 C. 10</p>
<p>...../ 0.5đ</p>	<p>Câu 2. Quan sát hình bên, cho biết:</p> <p>A. Lọ hoa ở dưới bàn.</p> <p>B. Con mèo ở dưới bàn.</p> <p>C. Lọ hoa ở bên trái con mèo.</p> 
<p>.... / 0.5đ</p>	<p>Câu 3: 9 gồm 4 và Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:</p> <p>A. 4 B. 5 C. 6</p>
<p>.../ 0.5đ</p>	<p>Câu 4: Dây số nào dưới đây được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé:</p> <p>A. 10, 8, 4, 1 B. 5, 4, 6, 0 C. 6, 7, 8, 9</p>
<p>...../ 1đ</p>	<p>Câu 5: Hình vẽ bên có:</p> <p>A. 6 hình tròn và 3 hình tam giác</p> <p>B. 7 hình tròn và 4 hình tam giác</p> <p>C. 9 hình tròn và 4 hình tam giác</p> 
<p>(7 điểm)</p> <p>...../ 3đ</p>	<p>PHẦN B. TỰ LUẬN:</p> <p>Bài 1</p> <p>a. Tính</p> 

$9 - 4 = \dots$; $4 + 3 = \dots$; $10 - 5 = \dots$; $8 + 0 = \dots$

b. Số?

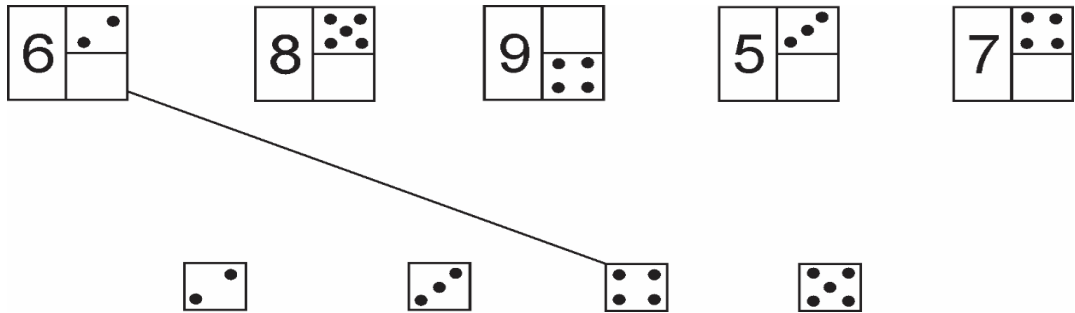


c. Viết các số 6, 3, 0, 8 theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....

...../ 1đ

Bài 2. Nối (theo mẫu):



...../ 1đ

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm (...)

Hình bên có:

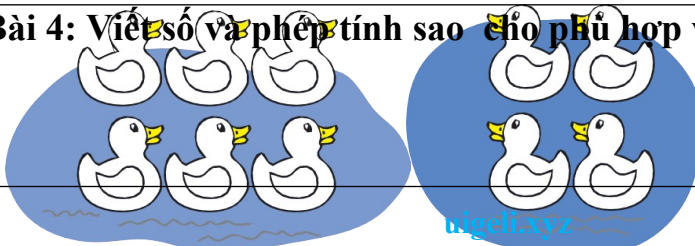
.....hình tròn

.....hình tam giác



...../ 2đ

Bài 4: Viết số và phép tính sao cho phù hợp với hình vẽ:



--	--

--	--	--	--	--

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA VÀ CHẤM CUỐI KÌ I - MÔN TOÁN

LỚP 1

Phần A: Trắc nghiệm (3 điểm) Học sinh khoanh đúng đạt

Câu 1: **C** (0.5đ)

Câu 2: **B** (0.5đ)

Câu 3: **B** (0.5đ)

Câu 4: **A** (0.5đ)

Câu 5: **B** (1đ)

- Học sinh khoanh 2 đáp án trở lên/1 câu: 0 điểm

Phần II: Tự luận (7 điểm)

Bài 1 (3 điểm)

a. Tính (1 điểm)

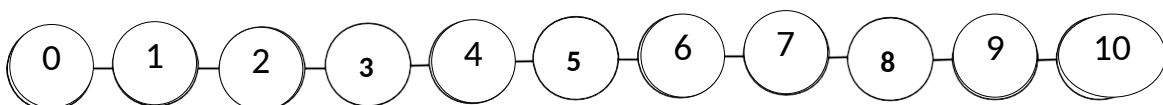
$$9 - 4 = 5 \quad ; \quad 4 + 3 = 7 \quad ; \quad 10 - 5 = 5 \quad ; \quad 8 + 0 = 8$$

- Học sinh thực hiện đúng kết quả 4 phép tính đạt 1 điểm.

- Học sinh thực hiện đúng kết quả 2-3 phép tính đạt 0.5 điểm.

- Học sinh thực hiện đúng kết quả 1 phép tính 0 điểm.

b. **Số?** (1 điểm)



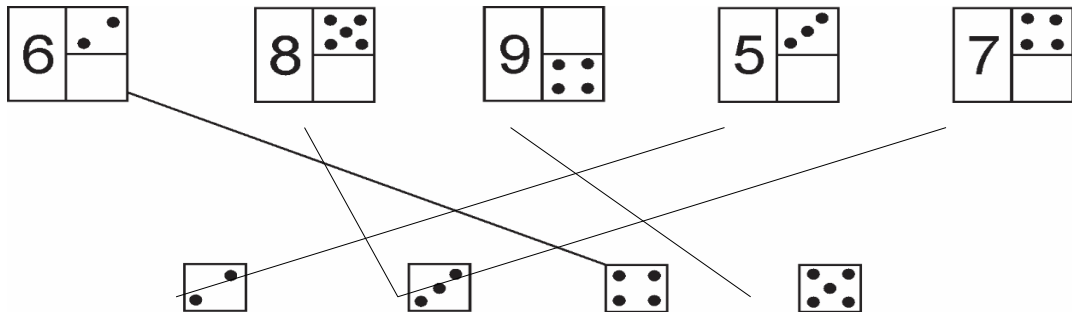
- Học sinh viết đúng thứ tự các số đạt 1 điểm.

c. **Viết các số 6, 3, 0, 8 theo thứ tự từ bé đến lớn.** (1 điểm)

0, 3, 6, 8

- Học sinh viết đúng thứ tự các số từ bé đến lớn đạt 1 điểm.

Bài 2. Nối (theo mẫu):



- Học sinh nối đúng đúng 4 kết quả đạt 1 đ.

- Học sinh nối đúng đúng 2-3 kết quả đạt 0.5 đ.

- Học sinh nối đúng đúng 1 kết quả 0 đ.

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm (...)

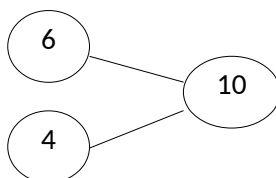
Hình bên có:

4 hình tròn

3 hình tam giác



Bài 4: Viết số và phép tính sao cho phù hợp với hình vẽ: (1đ)



$$6 + 4 = 10$$

- Học sinh thực hiện đúng số đặt 1đ và phép tính đặt 1đ.

Họ và tên:.....Số báo danh:..... Lớp: 1..... Giám thị 1:.....Giám thị 2:.....	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKI NĂM HỌC 2021 - 2022 Ngày kiểm tra:...../...../ 2022 Môn: Toán Thời gian: 35 phút
---	---

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét</u>	Giám khảo 1:
		Giám khảo 2:

Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng về các số:

Bài 1: (1,0 điểm) M1.

a. Số bé nhất là:

A. 7 B. 9 C. 3

b. Số lớn nhất là:

A. 9 B. 6 C. 2

Bài 2: (1,0 điểm) M2:

a. (0,25 điểm) Kết quả của phép tính $6 + 4 = \dots$

A. 2 B. 10 C. 4

b. (0,25 điểm) Kết quả của phép tính $9 - 7 = \dots$

A. 2 B. 7 C. 9

c. (0,5 điểm) Kết quả của phép tính $2 + 2 + 1 = \dots$

A. 9 B. 5 C. 3

Bài 3: (1,0 điểm) M1. Số?

H×nh b^an cãh×nh tam gĩ,c

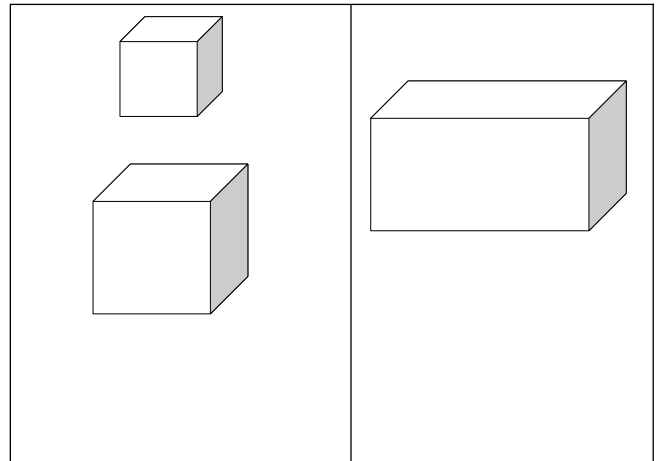
H×nh b^an cã h×nh vu<ng

H×nh b^an cãh×nh trβn

Bµi 4. (1,0 @iÓm) M2 Sè?

B^an tr,i cãkhèi lĩp ph-ng

B^an ph¶i cãkhèi hóp ch÷ nhĩt



Bµi 5: (1,0 @iÓm) M 1. Đĩn số thÝch hợ vào << trổng

0	1		3		5	6			9	
---	---	--	---	--	---	---	--	--	---	--

Bµi 6: (1,0 @iÓm) M2. TÝnh

$$10 - 3 = \dots\dots\dots$$

$$9 - 5 = \dots\dots\dots$$

$$7 + 2 = \dots\dots\dots$$

$$3 + 2 = \dots\dots\dots$$

Bµi 7: (1,0 @iÓm) M2. §ĩÒn dĩu >, <, =

10

5

7

7

6

9

9

5

Bµi 8. (1,0 @iÓm) M3. TÝnh

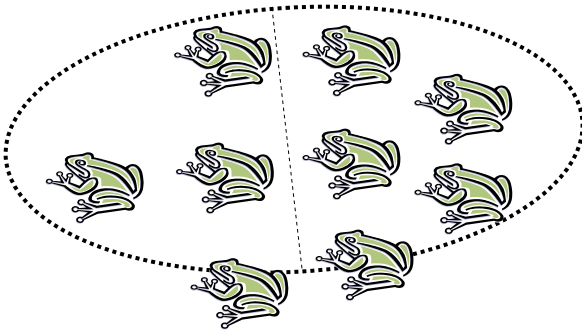
$$10 - 5 - 3 = \dots\dots$$

$$9 + 1 - 3 = \dots\dots$$

$$1 + 2 + 3 = \dots\dots$$

$$6 - 3 + 5 = \dots\dots$$

Bài 9. (1,0 điểm) M3. Viết phép tính thích hợp với hình vẽ



--	--	--	--	--

Bài 10. (1,0 điểm) M4.

Tổ c,c sẽ 3, 6, 9 và c,c đều +, -, = em hãy xếp 1 phép tính đúng và 1 phép tính sai ?

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN MÔN TOÁN CUỐI KÌ 1 – LỚP 1

Bài 1:(1,0 điểm) M1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng về c,c sẽ đúng:

- a. Sẽ bằng nhau: (0,5 điểm) C. 3
- b. Sẽ lớn hơn: (0,5 điểm) A. 9

Bài 2. (1,0 điểm) M2:

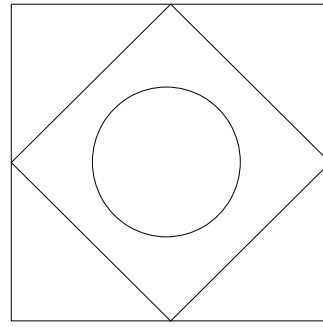
- a (0,25 điểm) B. 10
- b. (0,25 điểm) A. 2
- c. (0,5 điểm) B. 5

Bài 3. (1,0 điểm) M1 Sè?

Hình bên có 4 hình tam giác

Hình bên có 2 hình vuông

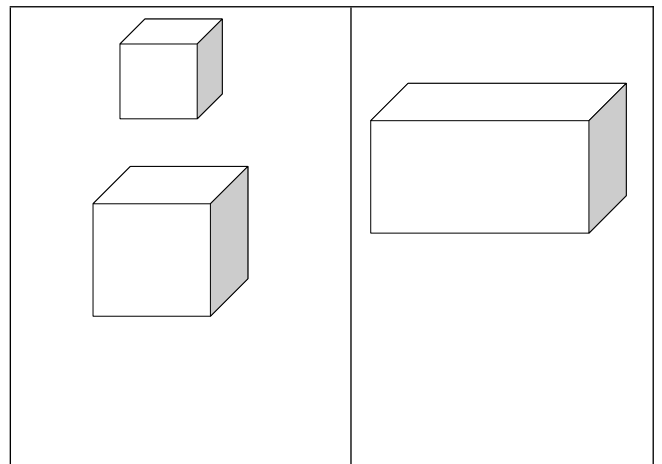
Hình bên có 1 hình tròn



Bài 4. (1,0 điểm) M2 Sè?

Bên trái có 2 khối lập phương

Bên phải có 1 khối hộp chữ nhật



Bài 5: (1,0 điểm) M1. Học sinh điền đúng mỗi ô, cho 0,2 điểm

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----

Bài 6: (1,0 điểm) M2. Tính

Học sinh làm đúng mỗi phép tính, cho 0,25 điểm

$$10 - 3 = 7$$

$$9 - 5 = 4$$

$$7 + 2 = 9$$

$$3 + 2 = 5$$

Bài 7: (1,0 điểm) M2. Điền dấu >, <, =

Học sinh điền mỗi dấu đúng cho 0,25 điểm

10	5	>	7	7	=
6	9	<	9	5	>

Bài 8. (1,0 điểm) M3. Tính

Học sinh làm đúng mỗi phép tính, cho 0,25 điểm

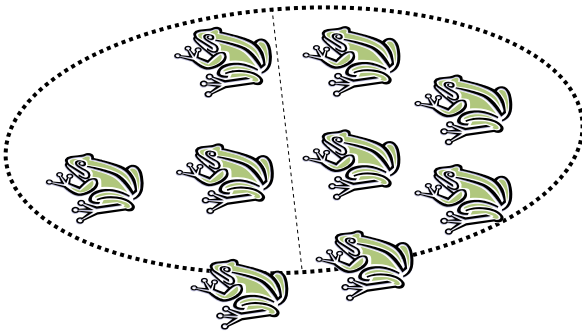
$$10 - 5 - 3 = 2$$

$$9 + 1 - 3 = 7$$

$$1 + 2 + 3 = 6$$

$$6 - 3 + 5 = 8$$

Bài 9. (1,0 điểm) M3. Học sinh viết đúng phép tính với h×nh vẽ, cho 1,0 điểm



4	+	5	=	9
---	---	---	---	---

Bài 10. (1,0 điểm) M3.

Tổ c,c sẽ 3, 6, 9 và c,c đều +, -, = em hãy lập 1 phép tính đúng và 1 phép tính sai ?

- Học sinh lập đúng 1 phép tính đúng, cho 0,5 điểm

Ví dụ:

$$3 + 6 = 9$$

$$9 - 6 = 3$$

Họ và tên:.....Số báo danh:.....
Lớp: 1.....
Giám thị 1:.....Giám thị 2:.....

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022
Ngày kiểm tra:...../...../ 2022
Môn: Toán
Thời gian: 35 phút

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét</u>	Giám khảo 1:
		Giám khảo 2:

Bài 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Cho các số: 2, 10, 7, 4, 6

a) Số bé nhất là:

A. 4

B. 10

C. 2

b) Số lớn nhất là:

A. 6

B. 10

C. 7

Bài 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

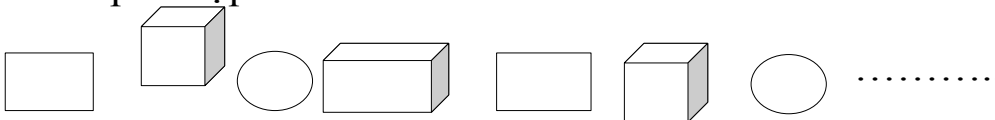
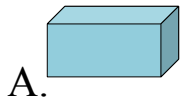
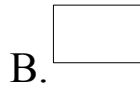
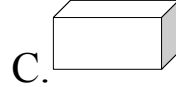
a) Kết quả của phép tính $3 + 6$ là:

A. 9

B. 8

C. 7

b) Hình phù hợp điền vào chỗ chấm là



Bài 3. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Các số: 8, 1, 5, 0

a) Viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 2, 8, 1, 5

B. 8, 5, 1, 0

C. 1, 5, 0, 8

b) Viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 8, 5, 1, 0

B. 1, 0, 5, 8

C. 8, 5, 1, 0

Bài 4. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a) Cho phép tính $5 < \square$. Số cần điền vào ô trống là:

A. 5

B. 3

C. 6

b) Cho phép tính $9 > \square + 4$. Số cần điền vào ô trống là:

A. 9

B. 5

C. 4

Bài 5. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

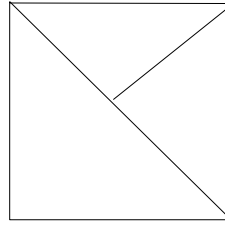
Hình bên có:

a) Số hình vuông là:

A. 1 B. 4 C. 3

b) Số hình tam giác là:

A. 2 B. 1 C. 4



Bài 6. Tính

a) $2 + 4 - 2 = \dots\dots\dots$

$8 - 3 - 1 = \dots\dots\dots$

b) $5 + 0 + 3 = \dots\dots\dots$

$9 - 6 + 4 = \dots\dots\dots$

Bài 7. Số?

$5 - 5 + \square = 4$

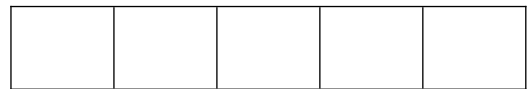
$8 - 7 + \square = 7$

$7 + 3 - \square = 5$

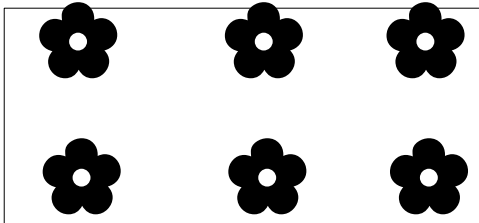
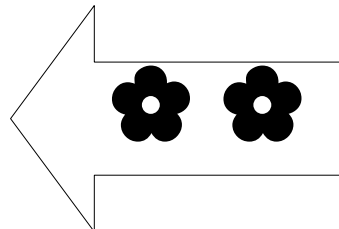
$6 + 2 - \square = 4$

Bài 8. Số?; phép tính ?

a) Lan có 6 que tính, Lan bớt đi 4 que tính,
Lan còn lại ... que tính.



b)



Bài 9. Điền dấu + ; - (1 điểm)

a) $6 \square 3 \square 0 = 3$

b) $7 \square 3 \square 5 = 5$

Bài 10. Viết tiếp vào chỗ chấm cho phù hợp và viết phép tính tương ứng với bài toán.

Minh có 10 quả táo, Minh cho**Minh còn lại**

--	--	--	--	--

Họ và tên:.....Số báo danh:..... Lớp: 1..... Giám thị 1:.....Giám thị 2:.....	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKI NĂM HỌC 2021 - 2022 Ngày kiểm tra:...../...../ 2022 Môn: Toán Thời gian: 35 phút
---	---

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét</u>	Giám khảo 1:
		Giám khảo 2:

Em hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1

a, Kết quả của phép tính $10 - 4$ là:

A. 4 B. 5 C. 6

b, Số 9 bé hơn số nào sau đây:

A. 9 B. 8 C. 10

Câu 2

a, Số lớn nhất có 1 chữ số là

A. 9 B. 1 C. 10

b, Điền số vào chỗ chấm $4 + \dots = 9$

A. 6 B. 4 C. 5

Câu 3:

a, Tự chọn số và dấu để viết tiếp cho phù hợp.

1	=			
---	---	--	--	--

b, Dùng các số và dấu 5, 2, 7, +, = để tạo thành phép tính đúng

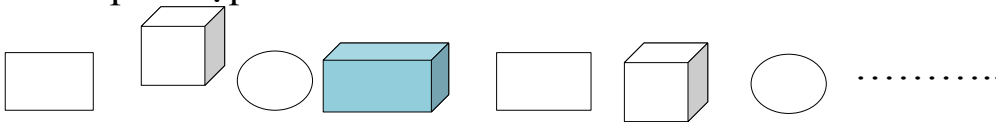
--	--	--	--	--

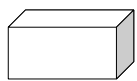
Câu 4 . Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a) Kết quả của phép tính $3 + 6$ bé hơn số nào :

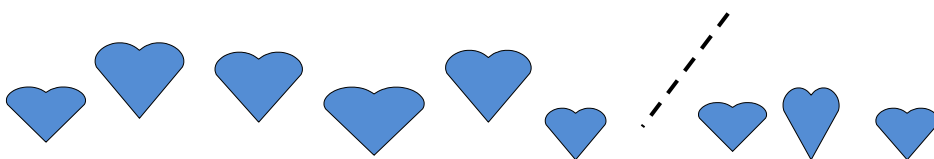
- A. 9 B. 8 C. 10

b) Hình phù hợp điền vào chỗ chấm là



- A.  B.  C. 

Câu 5: Viết phép tính phù hợp.



--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

Câu 6.

>
<

?

$10 - 7 \dots 9$

$9 + 0 \dots 9 - 0$

$4 + 5 \dots 7$

$5 + 2 + 3 \dots 9 - 2$

Câu 7. Viết các số 9; 3; 5; 7; 1

a. Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b. Theo thứ tự từ lớn đến bé:.....

Câu 8. Tính nhẩm:

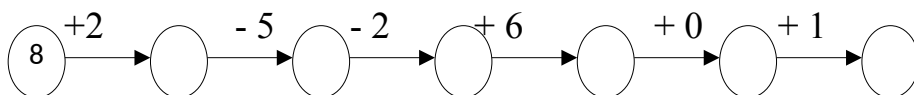
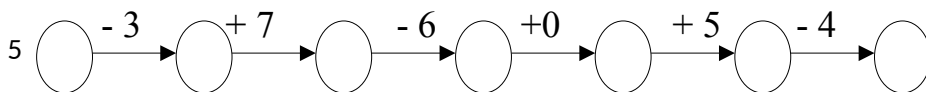
$8 - 3 + 4 = \dots$

$10 - 6 + 5 < \dots$

$5 + 4 - 2 > \dots$

$9 - 9 = 4 - \dots$

Câu 9: Số ?



Câu 10: *Viết 5 phép tính có kết quả bằng 10*

.....

.....

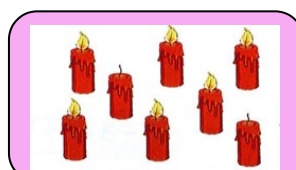
.....

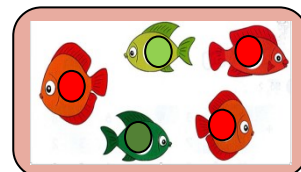
Họ và tên:.....Số báo danh:..... Lớp: 1..... Giám thị 1:.....Giám thị 2:.....	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKI NĂM HỌC 2021 - 2022 Ngày kiểm tra:...../...../ 2022 Môn: Toán Thời gian: 35 phút
---	---

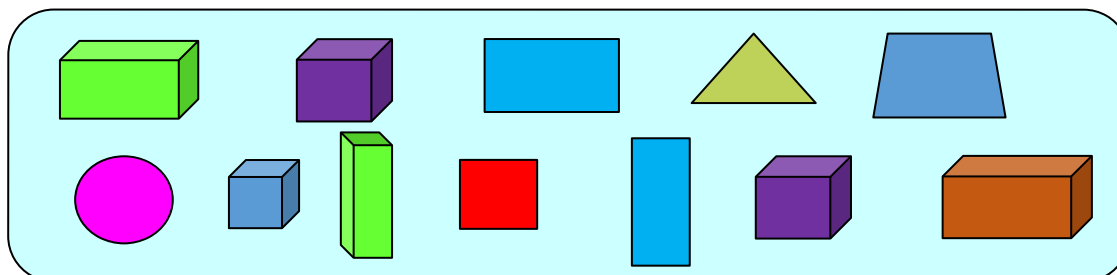
<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét</u>	Giám khảo 1:
		Giám khảo 2:

Câu 1: M1 Đếm rồi viết số (1điểm)







Câu 2: M2 Quan sát và viết số thích hợp vào 2 ô trống dưới tranh (1điểm)

Có khối hộp chữ nhật .Có khối lập phương

Câu 3: M2(1điểm)

>	<	=
---	---	---

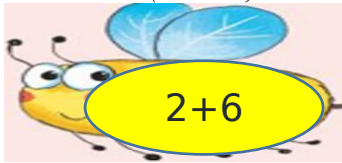
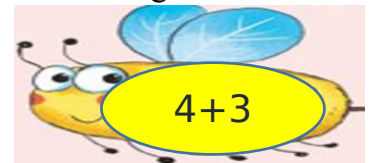
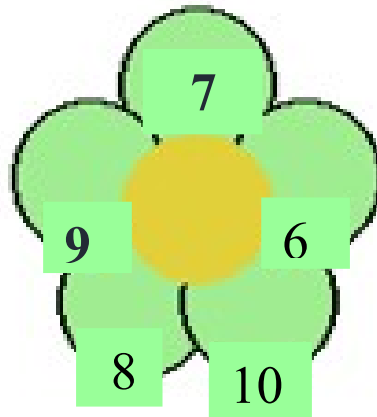
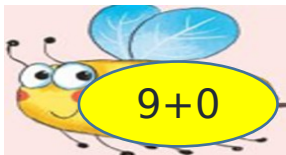
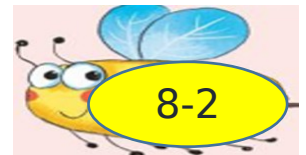
$$9 - 2 \dots 6$$

$$7 \dots 6 + 3$$

$$5 + 4 \dots 7$$

$$8 + 0 \dots 8 - 0$$

Câu 4: M1 (1điểm) Nối kết quả với phép tính đúng để tìm cánh hoa cho mỗi chú ong.



Câu 5: M1 Tính (1điểm) _

$$3 + 6 = \square$$

$$4 - 0 = \square$$

$$4 + 5 = \square$$

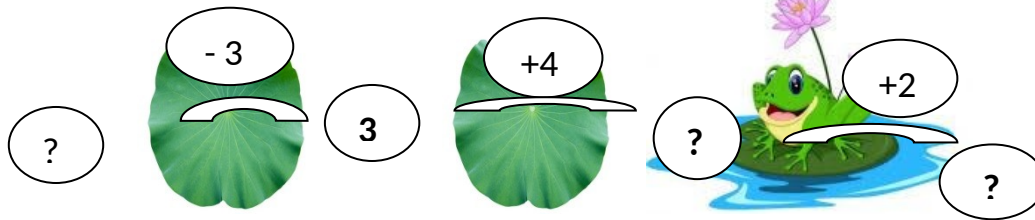
$$7 - 1 = \square$$

$$2 + 8 = \square$$

$$10 - 4 = \square$$

Câu 6: M3 (1 điểm)

Số?



Câu 7: M2 Viết số thích hợp (1 điểm)

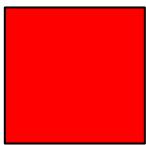
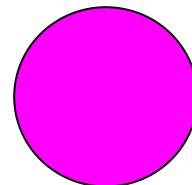
$$5 + 0 + 4 = \dots\dots\dots$$

$$10 - 7 + 1 = \dots\dots\dots$$

$$\dots\dots\dots + 5 = 7$$

$$9 - \dots\dots\dots = 4$$

Câu 8: M1 (1 điểm) Viết tên hình thích hợp



a/.....

b/.....

Câu 9: M1 (1 điểm) Quan sát tranh viết phép tính phù hợp với câu trả lời: “Có tất cả bao nhiêu con vịt?”



--	--	--	--	--

Câu 10: M3 Viết số thích hợp:

a/ $9 < 6 + \boxed{\dots}$

b/ $5 > 5 - \boxed{\dots}$

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN LỚP 1 CUỐI KÌ 1

Câu 1: M1 Đếm rồi viết số (1điểm) Mỗi ý đúng 0,25 đ

10

6

8

5

Câu 2: M2 Quan sát và viết số thích hợp vào 2 ô trống dưới tranh (1điểm)

Mỗi số đúng 0,5

Có $\boxed{3}$ khối hộp chữ nhật .

Có $\boxed{3}$ khối lập phương

Câu 3: M2 (1điểm)

> < =

Mỗi dấu đúng 0,25 điểm

$9 - 2 > 6$

$7 < 6 + 3$

$5 + 4 > 7$

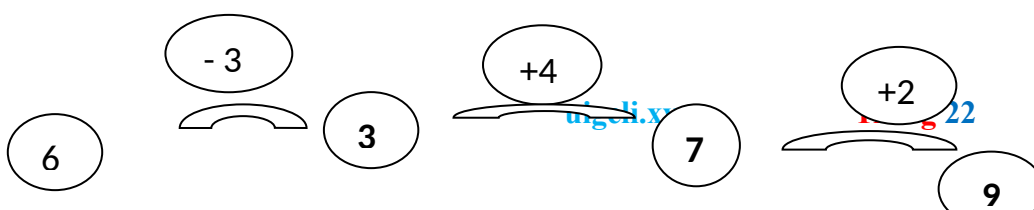
$8 + 0 = 8 - 0$

Câu 4: M1 (1điểm) Nối kết quả với phép tính đúng để tìm cánh hoa cho mỗi chú ong.

Mỗi phép tính nối đúng 0, 15đ

Câu 5: M1 Tính (1điểm) _ Mỗi sai trừ 0,15

Câu 6 M3 (1 điểm) số? Mỗi ô điền đúng sau điền đúng 0,25đ, riêng ô đầu điền đúng 0,5 đ





9-3

Câu 7: M2 Viết số thích hợp (1 điểm) Mỗi phép tính đúng 0,25

Câu 8: M1 (1 điểm) Viết tên hình thích hợp. Viết đúng tên mỗi hình 0, 5đ

a/Hình Vuông

b/Hình tròn

5

Câu 9: M1 (1 điểm) Quan sát tranh viết phép tính phù hợp với câu trả lời: “Có tất cả bao nhiêu con vịt?”

$$3 + 2 = 5$$

Câu 10: M3 Viết số thích hợp: Mỗi ý đúng 0, 5đ

a/ 4 ; b/ từ 1 đến 5

Họ và tên:.....Số báo danh:..... Lớp: 1..... Giám thị 1:.....Giám thị 2:.....	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKI NĂM HỌC 2021 - 2022 Ngày kiểm tra:...../...../ 2022 Môn: Toán Thời gian: 35 phút
---	---

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét</u>	Giám khảo 1:
		Giám khảo 2:

I/ TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1: Các số bé hơn 8: (1 điểm) - M1

A. 4, 9, 6

B. 0, 4, 7

C. 8, 6, 7

Câu 2: Kết quả phép tính: $9 - 3 = ?$ (1 điểm) – M2

A. 2

B. 4

C. 6

Câu 3: Sắp xếp các số 3, 7, 2, 10 theo thứ tự từ bé đến lớn (1 điểm) – M2

A. 2, 3, 7, 10

B. 7, 10, 2, 3

C. 10, 7, 3, 2

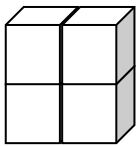
Câu 4: Số cần điền vào phép tính $8 + 0 = 0 + \dots$ là: (1 điểm) – M3

A. 7

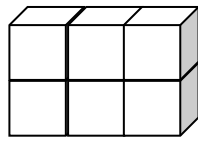
B. 8

C. 9

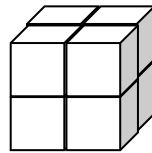
Câu 5: Hình nào là khối lập phương? (1 điểm) – M2



A



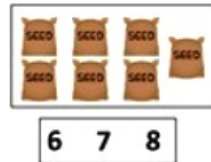
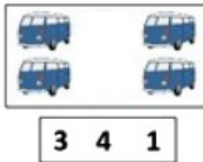
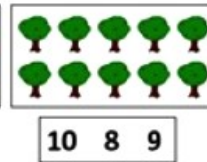
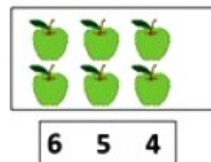
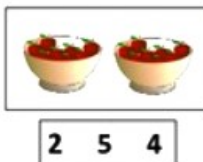
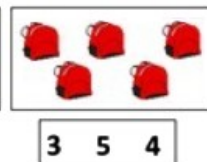
B



C

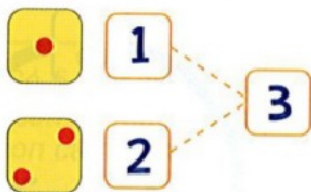
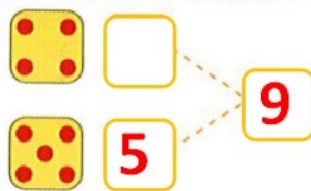
II/ TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 6: Khoanh vào số thích hợp? (1 điểm) - M1



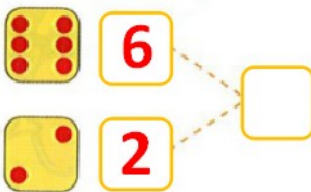
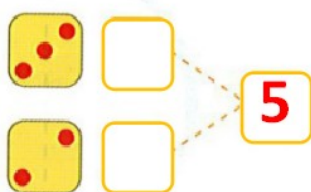
Câu 7: Số (theo mẫu) (1 điểm) - M1

Câu 8



$5 = \dots\dots\dots$

Câu 9

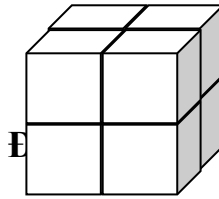




--	--	--	--	--

Câu 10: Số? (1 điểm) – M3

Cókhối lập phương?



ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	B	C	A	B	C
Điểm	1	1	1	1	1

II/ TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 6: Khoanh vào số thích hợp? (1 điểm)

 ☒ 6 7 8	 ☒ 3 4 1 ☒ 10 8 9	 ☐ 6 5 4 ☒ 2 5 4 ☒ 3 5 4
 ☐ 6 5 4 ☒ 2 5 4 ☒ 3 5 4	 ☐ 6 5 4 ☒ 2 5 4 ☒ 3 5 4	 ☐ 6 5 4 ☒ 2 5 4 ☒ 3 5 4

Câu 7: (1 điểm): Điền đúng mỗi số ghi 0,25 điểm

 1  2 3	 4  5 9
 6  2 8	 3  2 5

Câu 8: (1 điểm) Tính đúng kết quả mỗi phép tính ghi 0,5 điểm

$$8 + 1 = 9$$

$$10 + 0 - 5 = 5$$

Câu 9: Viết phép tính thích hợp vào ô trống: (1 điểm)

Viết đúng phép tính thích hợp $4 + 3 = 7$ ($3 + 4 = 7$)

Viết đúng phép tính, tính sai kết quả (0,5 điểm)

Câu 10: Số? (1 điểm)

Có 8 khối lập phương

